

HỘI LHPN TỈNH.....

KẾT QUẢ THỰC HIỆN PTTĐ VÀ HOẠT ĐỘNG HỘI (Kèm theo báo cáo 6 tháng/ năm

Lưu ý: Không bao gồm hoạt động của phụ nữ trong lực lượng vũ trang và Nữ công Liên đoàn Lao động

I. NGUỒN LỰC (Chỉ báo cáo năm, không báo cáo 6 tháng)

Nguồn lực, chương trình/dự án/đề án ¹ (Tên, nguồn, thời gian thực hiện...)	Tổng kinh phí được phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí được phân bổ trong năm (triệu đồng)	Các hoạt động đã thực hiện (Tên hoạt động, đối tượng tham gia, tóm tắt kết quả...)	Ghi chú
Tổng				

II. KÝ KẾT PHỐI HỢP VỚI CÁC NGÀNH² (Chỉ báo cáo năm, không báo cáo 6 tháng)

Chương trình/văn bản ký kết phối hợp (tên, ngành ký kết, thời gian ký kết, thời gian thực hiện...)	Nội dung, hoạt động đã thực hiện trong năm	Tổng kinh phí và nguồn	Ghi chú

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT SÁNG KIẾN CỦA CÁN BỘ TỈNH HỘI (Chỉ báo cáo năm, không báo cáo 6 tháng)

Chuyên đề nghiên cứu/sáng kiến/cải tiến (tên, cấp công nhận sáng kiến, phạm vi áp dụng...)	Tác giả (cá nhân, tập thể)	Nội dung cụ thể và kết quả áp dụng thực tế	Ghi chú

¹ Tất cả các nguồn kinh phí của Hội LHPN tỉnh, thành gồm: Chương trình phối hợp với các ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quốc tế do tỉnh khai thác, dự án quốc tế do TW Hội giới thiệu, đề án của tỉnh, kinh phí TW Hội phân bổ, ngân sách chi thường xuyên...

² Chỉ thống kê các hoạt động có ký kết văn bản phối hợp hàng năm hoặc giai đoạn, không tính các hoạt động phối hợp mang tính đột xuất

IV. THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA VÀ CÁC CUỘC VẬN ĐỘNG

Stt	Nội dung		Kết quả		
1	Số cơ sở Hội thực hiện được ít nhất 1 hoạt động thiết thực, phù hợp tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tại địa phương /Trên tổng số cơ sở Hội				
2	Số cơ sở Hội tổ chức được ít nhất 01 hoạt động cụ thể tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ rèn luyện phẩm chất đạo đức <i>tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang</i> /Trên tổng số cơ sở Hội				
3	Phát hiện, xây dựng, biểu dương, tuyên truyền nhân rộng điển hình				
	- Số cơ sở phát hiện, xây dựng, biểu dương, tuyên truyền nhân rộng ít nhất 2 điển hình trong kỳ báo cáo				
	- Số điển hình tiên tiến (cá nhân, tập thể) được tuyên truyền, biểu dương trong phong trào thi đua và các cuộc vận động.		Cấp tuyên truyền, biểu dương		
	+ Chia theo đối tượng:		Tỉnh	Huyện	Cơ sở
	. Tập thể				
	. Cán bộ Hội				
	. Hội viên				
	Trong đó: HV là DTTS				
	HV là tôn giáo				
	. Phụ nữ ³				
	+ Chia theo lĩnh vực:				
	. Trong học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và rèn luyện phẩm chất đạo đức PNVN.				
	. Trong thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình “5 không, 3 sạch” trong CT MTQG xây dựng NTM				
	. Trong phong trào thi đua phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc (cấp tỉnh có thể chia nhỏ theo 3 tiêu chuẩn phong trào)				
	. Khác				
4	Kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch	Tổng số hộ	Trong đó, số hộ		
			Có HVPN	DTTS	Tôn giáo
	- Số hộ gia đình trên địa bàn				
	- Số hộ chưa đạt đủ 8 tiêu chí CVĐ (đầu kỳ báo cáo)				
	- Số gia đình đạt 8 tiêu chí “5 không, 3 sạch” tại thời điểm báo cáo				
	+ Trong đó, số hộ gia đình được Hội giúp đạt 8 tiêu chí				
	- Số cơ sở Hội giúp thêm được ít nhất 02 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí “5 không, 3 sạch”				

³ Khái niệm “phụ nữ” chỉ số phụ nữ chưa phải là hội viên theo Điều lệ Hội.

V. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

Nhiệm vụ 1

Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình hạnh phúc

1.1. Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Số hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị, giáo dục truyền thống, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ thực hiện trong kỳ báo cáo - Số hoạt động do Hội phụ nữ cấp cơ sở tổ chức + Số cơ sở Hội tổ chức được ít nhất 2 hoạt động trong năm - Số hoạt động do Hội LHPN huyện tổ chức - Số hoạt động do Hội LHPN tỉnh tổ chức - Số lượt phụ nữ được tuyên truyền, giáo dục chính trị, giáo dục truyền thống, nâng cao kiến thức, kỹ năng - Số tin, bài tuyên truyền, giáo dục chính trị, giáo dục truyền thống, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ được các cấp Hội tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng trong kỳ báo cáo	
2	Số phụ nữ được Hội hỗ trợ học xóa mù chữ - Trong đó: số phụ nữ dân tộc thiểu số được học xóa mù chữ	
3	Tuyên truyền, nhân rộng điển hình, mô hình, cách làm hay (gọi là điển hình) - Số hoạt động biểu dương điển hình tiên tiến ⁴ được tổ chức trong kỳ báo cáo. - Số tin, bài viết về điển hình, mô hình hoặc cách làm hay được các cấp Hội tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng trong kỳ báo cáo	
4	Số cơ sở Hội duy trì ít nhất một mô hình VHVN, TDTT - Số phụ nữ tham gia - Số mô hình	
5	Số cơ sở Hội có Tủ sách	
6	Số báo cáo viên, cộng tác viên, tuyên truyền viên của Hội hiện có - Số báo cáo viên, cộng tác viên phát triển mới trong kỳ báo cáo Trong đó: + Cấp tỉnh + Cấp huyện + Cấp cơ sở + Báo cáo viên là cán bộ Hội chuyên trách - Số cuộc tuyên truyền, phổ biến do báo cáo viên thực hiện	

1.2. Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Thực hiện đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong tình hình mới” ⁵ - Số cuộc, sự kiện tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải	

⁴ Gồm: hội nghị biểu dương; biểu dương trong sơ, tổng kết; hoặc các hình thức khác.

⁵ Báo cáo khi đề án được triển khai

Stt	Nội dung	Kết quả
	<p>quyết vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ được tổ chức</p> <p>+ Trong đó: số cuộc, sự kiện do Hội LHPN cơ sở tổ chức</p> <p>- Số đầu sản phẩm truyền thông đề án được xuất bản, triển khai tới cộng đồng</p> <p>- Số phụ nữ hoàn lương, tái hòa nhập cộng đồng, bị buôn bán trở... về được Hội giúp bằng các hình thức</p> <p>Trong đó: + Số phụ nữ tái hòa nhập cộng đồng được giúp</p> <p>+ Số phụ nữ bị buôn bán trở về được Hội giúp</p> <p>- Số vốn Hội giúp các đối tượng</p> <p>- Số người được hỗ trợ vốn</p>	
2	<p>Vận động phụ nữ tham gia bảo hiểm y tế</p> <p>- Số cơ sở Hội có mô hình tiết kiệm mua BHYT tại chi, tổ</p> <p>- Số phụ nữ tham gia mua BHYT qua kênh của Hội</p> <p>- Số đại lý BHYT do Hội quản lý</p> <p>Trong đó: + Hội LHPN huyện làm đại lý</p> <p>+ Hội LHPN cơ sở làm đại lý</p>	
3	<p>Hoạt động nhân đạo xã hội, đền ơn đáp nghĩa</p> <p>- Số tiền huy động, vận động xây dựng Mái ấm tình thương</p> <p>+ Số MATT được xây dựng</p> <p>+ Số MATT được sửa chữa</p> <p>+ Số MATT được xây dựng, sửa chữa cho phụ nữ dân tộc thiểu số</p> <p>+ Số MATT được xây dựng, sửa chữa cho phụ nữ là tín đồ tôn giáo</p> <p>- Tổng giá trị tiền, quà ủng hộ “Ngày vì người nghèo”</p> <p>- Tổng giá trị ủng hộ đồng bào bị thiên tai, hoạn nạn</p> <p>- Tổng giá trị tiền, quà ủng hộ nạn nhân chất độc da cam</p> <p>- Tổng giá trị tiền quà giúp gia đình chính sách (bà mẹ VNAH, gia đình thương binh, liệt sỹ)</p> <p>- Tổng giá trị tiền quà tặng các lực lượng vũ trang và động viên tuyển quân</p> <p>- Tổng giá trị tiền quà khuyến học dành cho học sinh nghèo vượt khó</p> <p>Trong đó: + Số nữ sinh được hỗ trợ, nhận quà khuyến học</p> <p>+ Tổng giá trị tiền hỗ trợ nữ sinh</p> <p>- Tổng giá trị tiền thực hiện các hoạt động từ thiện, nhân đạo khác</p>	

Nhiệm vụ 2

Vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường

2.1. Vận động, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, xây dựng hợp tác xã, phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững

Stt	Nội dung	Số lượng
1	<p>Hỗ trợ phụ nữ vay vốn từ các nguồn ngoài NHCSXH và NHNN</p> <p>- Số tổ vay vốn do Hội quản lý</p>	

	- Số phụ nữ vay vốn qua kênh của Hội				
	- Tổng dư nợ do Hội quản lý				
2	Hoạt động TCVM (không bao gồm hoạt động TCVM do TW Hội phân bổ vốn)	Số thành viên vay	Dư nợ vốn	Tỷ lệ nợ quá hạn	
	- Hoạt động TCVM được NHNN cấp phép hoạt động (ghi cụ thể tên, cấp quản lý từng hoạt động)				
	+ Hoạt động 1				
	+ Hoạt động 2				
	+				
	- Chương trình, dự án TCVM có dư nợ vốn >= 50 tỷ (ghi cụ thể tên, cấp quản lý từng chương trình)				
	+ Chương trình 1				
	+				
	- Số chương trình, dự án TCVM có dư nợ vốn dưới 50 tỷ (ghi cụ thể tên, cấp quản lý từng chương trình)				
	+ Chương trình 1				
	+				
3	Hoạt động tiết kiệm				
	- Số chi, tổ PN có hoạt động tiết kiệm				
	- Các hình thức tiết kiệm tại địa phương	Số tổ, nhóm	Số thành viên	Số tiền tiết kiệm	Số dư tiết kiệm
	+ Tại các chi, tổ phụ nữ				
	+ Theo tổ, nhóm PN TKTD				
	+ Theo tổ, nhóm PN góp vốn xoay vòng				
	+ Theo tổ tại NH CSXH				
	+ Theo các chương trình, dự án, tổ chức tài chính vi mô của Hội				
	Tổng cộng				
	- Vay vốn từ các nguồn tiết kiệm			Số PN được vay	Số tiền được vay
	+ Phụ nữ được vay vốn từ các nguồn tiết kiệm				
	Trong đó: . Phụ nữ dân tộc thiểu số				
	. Phụ nữ là tín đồ tôn giáo				
4	Hỗ trợ kinh tế tập thể trong kỳ báo cáo		Số mô hình	Số thành viên	
	- Tổ liên kết				
	+ Tổ liên kết được thành lập trong kỳ báo cáo				
	+ Tổ liên kết hiện có				
	- Tổ hợp tác theo Nghị định 151/2007/NĐ-CP				
	+ Tổ hợp tác được thành lập trong kỳ báo cáo				
	+ Tổ hợp tác hiện có				
	+ Thành viên, Ban quản lý được tập huấn kiến thức				
	- HTX theo Luật HTX năm 2012				
	+ HTX do Hội quản lý hiện có				
	+ HTX do Hội hỗ trợ thành lập trong kỳ báo cáo				
	Chia theo lĩnh vực:				
	. Số HTX thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp				

4	Hỗ trợ kinh tế tập thể trong kỳ báo cáo	Số mô hình	Số thành viên	
	. Số HTX thuộc lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công			
	. Số HTX thuộc lĩnh vực dịch vụ			
	. Số HTX thuộc lĩnh vực khác			
	+ HTX được vay vốn			
	. Tổng số vốn cho HTX vay			
	+ Số thành viên là nữ trong BQL được tập huấn			
5	Hỗ trợ doanh nghiệp nữ	Số lượng		
	- Số nữ chủ doanh nghiệp được Hội tư vấn, tập huấn kiến thức			
	- Số doanh nghiệp nữ được Hội hỗ trợ tiếp cận vốn			
	- Số vốn hỗ trợ doanh nghiệp nữ			
	6	Thực hiện đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp		
		- Số phụ nữ được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khởi nghiệp và khởi sự kinh doanh.		
		- Số ý tưởng khởi nghiệp của phụ nữ được Hội hỗ trợ hiện thực hóa		
- Số phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp được Hội hỗ trợ				
Trong đó:				
+ Số phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp theo hình thức kinh tế hộ				
. Có đăng ký kinh doanh				
. Chưa đăng ký kinh doanh				
	+ Phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp theo hình thức THT, HTX, doanh nghiệp	Khởi nghiệp		
		Số THT /HTX/ DN	Số phụ nữ	
		Số THT /HTX/ DN	Số phụ nữ	
7	Tập huấn, chuyển giao KHKT; quản lý sử dụng nguồn vốn	Chuyển giao KHKT	Sử dụng nguồn vốn	
	- Số PN được tập huấn			
	Trong đó:			
	+ Vay vốn NHCSXH, NHNN&PTNT, các tổ chức tín dụng			
	+ PN được vay vốn từ chương trình, dự án TCVM			
+ PN dân tộc thiểu số				
+ Phụ nữ là tín đồ tôn giáo				
8	Đào tạo nghề cho phụ nữ	Số PN được đào tạo nghề	Có việc làm sau đào tạo	
	- Cơ sở dạy nghề thuộc Hội đào tạo trực tiếp			
	- Hội phối hợp, liên kết đào tạo nghề			
	- Hội giới thiệu đào tạo nghề tại cơ sở khác			

9	Giúp có địa chỉ	Tổng số hộ	Trong đó, số hộ nghèo		
			do PN làm chủ ⁶	là người DTTS	là tín đồ tôn giáo
	- Giúp thoát nghèo (theo tiêu chí nghèo đa chiều)				
	+ Hộ nghèo tại địa phương				
	+ Hộ nghèo được Hội giúp				
	+ Hộ nghèo do Hội giúp thoát nghèo				
	- Giúp hộ cận nghèo, mới thoát nghèo				
	+ Hộ cận nghèo, mới thoát nghèo tại địa phương				
	+ Hộ được Hội giúp				

2.2. Vận động phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Số lớp nâng cao năng lực trong hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu do Hội thực hiện	
	- Tổng số người được tập huấn nâng cao năng lực	
	- Số cán bộ Hội các cấp được nâng cao năng lực	
	Trong đó, cán bộ Hội cấp cơ sở	
2	Số hoạt động truyền thông về bảo vệ môi trường do các cấp Hội tổ chức	
	- Số người tham gia	
3	Số hoạt động truyền thông về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu do các cấp Hội tổ chức	
	- Số người tham gia	
4	Số sản phẩm truyền thông về môi trường được các cấp Hội xây dựng, phát hành tại cộng đồng trong kỳ báo cáo	
5	Số cơ sở Hội có ít nhất 1 mô hình tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường hoặc mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu	
6	Số hộ gia đình được Hội hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh	
7	Số hộ gia đình được Hội hỗ trợ sử dụng nước sạch	
8	Số hộ gia đình trên địa bàn đạt các tiêu chí "3 sạch"	

Nhiệm vụ 3

Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; tham gia xây dựng chính quyền; thực hiện giám sát, phản biện xã hội; đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân

3.1. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh

1. Tổ chức Hội, hội viên (chỉ báo cáo năm, không báo cáo 6 tháng)

Stt	Nội dung	Số lượng	
1	Cơ sở Hội	Có tại thời điểm b/c	Thành lập mới
	- Tổng số cơ sở Hội:		
	Trong đó: + Theo xã, phường, thị trấn		

⁶ Hộ do phụ nữ làm chủ hộ: là hộ có phụ nữ đứng tên chủ hộ hoặc phụ nữ là lao động chính

	+ Trong các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại + Trong các trường học + Trong các cơ sở tôn giáo (chùa, nhà thờ) + Khác		
	- Tổng số Chi Hội ⁷		
	- Tổng số Tổ phụ nữ ⁸		
	- Số Hội, chi Hội nữ doanh nhân, CLB doanh nhân nữ ⁹		
	- Số Hội, chi Hội nữ Trí thức ¹⁰		
	- Xếp loại tổ chức Hội cấp cơ sở:	Số lượng	
	+ Vững mạnh		
	+ Khá		
	+ Trung bình		
	+ Yếu		
	+ Không xếp loại		
2	Hội viên		
	- Tổng số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên ¹¹		
	- Hội viên (không tính HV là đoàn viên công đoàn, HV trong các lực lượng vũ trang và các tổ chức thành viên)	Có tại thời điểm b/c	Mới kết nạp
	+ Số hội viên		
	+ Hội viên từ 55 tuổi trở lên		
	+ Số hội viên từ 30 tuổi trở xuống		
	+ Số hội viên là người DTTS		
	+ Số hội viên là tôn giáo		
	+ Hội viên thuộc Hội, chi hội nữ Doanh nhân		
	+ Hội viên thuộc Hội, chi hội nữ Trí thức		
	- Số cơ sở Hội tập hợp hội viên đạt từ 50% trở lên		
	- Số hội viên giảm trong năm ¹² :		
	- Tổng số hội viên nòng cốt:		
	Trong đó: + Là người dân tộc thiểu số		
	+ Là tôn giáo		
	+ Vừa là người dân tộc thiểu số, vừa là tôn giáo		

2. Cán bộ Hội chuyên trách các cấp¹³

1	Cán bộ Hội chuyên trách đạt chuẩn chức danh ¹⁴	Cấp tỉnh	Cấp huyện	CT Hội PN cơ sở
	- Tổng số CB Hội chuyên trách			
	- Số CB chưa đạt chuẩn chức danh			
	Ghi rõ các quy định đối với chức danh chưa đạt
	

⁷ Là Chi hội, tổ phụ nữ trực thuộc Hội phụ nữ cơ sở

⁸ Là Tổ phụ nữ thuộc Chi hội

⁹ Chỉ báo cáo Hội, chi Hội nữ doanh nhân, CLB doanh nhân nữ không thuộc Hiệp hội nữ doanh nhân Việt Nam

¹⁰ Chỉ báo cáo Hội, chi Hội Nữ trí thức không thuộc Hiệp hội Nữ trí thức Việt Nam

¹¹ Tổng số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên: lấy theo số liệu của ngành thống kê cùng cấp tại thời điểm đầu nhiệm kỳ. Đối với cấp tỉnh lấy theo số liệu thống kê của tỉnh tại Niên giám thống kê mới nhất.

¹² Cách tính theo Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội

¹³ Chỉ báo cáo số lượng cán bộ có quyết định công nhận chức danh hoặc được bổ nhiệm vào ngạch công chức, trong chỉ tiêu biên chế, hưởng lương ngân sách trong các cơ quan chuyên trách của Hội. Không bao gồm nhân viên và các loại hợp đồng.

¹⁴ Chuẩn chức danh theo quy định tại đề án nhân sự đại hội phụ nữ các cấp đối với cán bộ Hội chuyên trách là UV BCH các cấp; theo yêu cầu tuyển dụng công chức đối với từng vị trí đối với công chức.

2	Trình độ cán bộ Hội các cấp	Cấp tỉnh			Cấp huyện			CT Hội PN cơ sở
		CT	PCT	Công chức	CT	PCT	Công chức	
Học vấn	- Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông							
Lý luận CT	- Sơ cấp - Trung cấp - Cao cấp, cử nhân							
Ch môn	- Sơ cấp - Cao đẳng - Đại học - Sau đại học							
Nvụ phụ vận	- Dưới 1 tháng - Từ 1 đến 3 tháng - Từ 3 tháng trở lên							
Ngoại ngữ								
Tin học văn phòng								
3	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội, công tác xã hội ¹⁵	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp cơ sở			Chi hội trưởng	
	- Số cán bộ Hội chuyên trách được tập huấn, bồi dưỡng			Tổng số	CT	PCT		
	Trong đó, số cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng lần đầu							
4	Điều động, luân chuyển cán bộ Hội	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp cơ sở		
	- Cơ quan Đảng	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
	- Cơ quan chính quyền:							
	- Cơ quan đoàn thể							
	- Cơ quan khác							
5	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật trong nội bộ tổ chức Hội	Cấp tỉnh			Cấp huyện		Cấp cơ sở	
	- Tổng số đơn thư nhận được							
	+ Số đơn thư Hội trực tiếp giải quyết							
	+ Số đơn thư chuyển							
	+ Số đơn thư xếp lưu theo quy định							
	- Số cán bộ Hội bị kỷ luật							
	+ Hình thức khiển trách							
	+ Hình thức cảnh cáo							
	+ Hình thức cách chức							

¹⁵ Là nghiệp vụ công tác Hội, công tác xã hội hoặc các nội dung liên quan nhằm giúp cho cán bộ thực hiện tốt công tác Hội.

3.2. Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; tham mưu đề xuất chính sách; thực hiện giám sát và phản biện xã hội (chỉ báo cáo năm)

Stt	Danh mục		Kết quả	
1	Chính sách, chương trình, đề án liên quan đến phụ nữ do Hội đề xuất được cơ quan Đảng, chính quyền tiếp thu, ban hành văn bản chỉ đạo		Cấp đề xuất (tỉnh hoặc huyện)	
	- Chính sách, chương trình, đề án 1 (ghi cụ thể):			
			
2	Hoạt động giám sát:		Kết quả	
	- Số chính sách tỉnh Hội giám sát			
	+ Liệt kê rõ tên chính sách:			
			
	+ Số kiến nghị sau giám được tiếp thu:			
	Ghi cụ thể:.....			
	- Số Hội LHPN cấp huyện giám sát ít nhất 1 chính sách trong năm			
	+ Số kiến nghị sau giám sát được tiếp thu:			
	- Số Hội LHPN cấp cơ sở giám sát ít nhất 1 chính sách trong năm			
	+ Số kiến nghị sau giám sát được tiếp thu			
3	Đóng góp ý kiến, phản biện xã hội vào các dự thảo văn bản luật pháp, chính sách			
	- Số dự thảo văn bản tỉnh Hội tổ chức góp ý, phản biện xã hội trong năm			
	+ Liệt kê văn bản cụ thể:			
			
	+ Số ý kiến đóng góp			
	+ Số ý kiến được tiếp thu			
	Ghi cụ thể:			
	- Số huyện Hội tổ chức đóng góp ý kiến, phản biện xã hội ít nhất 1 văn bản liên quan trong năm			
	+ Số văn bản do huyện Hội đóng góp ý kiến, phản biện xã hội			
	- Số cơ sở Hội tổ chức đóng góp ý kiến, phản biện xã hội ít nhất 1 văn bản liên quan trong năm			
	+ Số văn bản do cơ sở Hội đóng góp ý kiến, phản biện xã hội			
4	Bảo vệ quyền, lợi ích của phụ nữ	TS vụ	Trong đó	
			Xâm hại TE	BLGD đối với PN
	- Số vụ vi phạm quyền, lợi ích của phụ nữ được Hội phát hiện và báo với các cơ quan chức năng có liên quan			
	- Số vụ đã được giải quyết			
	+ Trong đó, số vụ Hội tham gia giải quyết			
5	Công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý		Kết quả	
	- Tổng số đơn thư nhận được trong năm, trong đó			
	+ Đơn về bạo lực gia đình			
	+ Đơn về hôn nhân gia đình			
	+ Đơn về xâm hại tình dục phụ nữ			
	+ Đơn về xâm hại tình dục trẻ em			
	+ Đơn về đất đai			
	+ Đơn thư khác			

Stt	Danh mục	Kết quả
	- Số đơn thư kiến nghị (chuyên) tới cơ quan chức năng giải quyết	
	Số công văn phúc đáp của cơ quan chức năng	
	- Số đơn thư Hội tư vấn, trả lời	
	- Tổng số lượt tiếp công dân	
	Trong đó, số lượt công dân nữ	
	- Số lượt tư vấn pháp luật cho công dân	
	Trong đó, số lượt tư vấn cho công dân nữ	
6	Tham gia phát triển đảng viên nữ	
	- Số quần chúng ưu tú do các cấp Hội giới thiệu cho Đảng	
	- Số quần chúng ưu tú do các cấp Hội giới thiệu được kết nạp đảng	

IV. Thực hiện công tác đối ngoại nhân dân và hợp tác quốc tế trong kỳ báo cáo¹⁶

Stt	Nội dung	Số đoàn	Số người tham gia	
1	Hoạt động trao đổi đoàn và tiếp khách quốc tế			
	- Đoàn ra do các cấp Hội PN địa phương tổ chức hoặc tham gia đoàn của các bộ, ngành của địa phương.			
	- Số đoàn vào do các cấp Hội PN địa phương chủ trì đón ¹⁷			
	- Số đoàn khách quốc tế ¹⁸ đến thăm và làm việc với các cấp Hội PN địa phương không bao gồm đoàn do TW đưa về.			
2	Kí kết thỏa thuận hợp tác, kết nghĩa đối tác nước ngoài (gồm thỏa thuận về hợp tác, hữu nghị, thực hiện dự án...) (chỉ báo cáo năm)	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp cơ sở
	- Số văn bản, thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài được kí kết			
	Trong đó: + Số thỏa thuận hợp tác kí kết với các tổ chức phụ nữ thuộc 3 nước láng giềng			
	+ Số hoạt động kết nghĩa với các tổ chức phụ nữ thuộc 3 nước láng giềng			
4	Tuyên truyền đối ngoại và tập huấn về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế		Kết quả	
	- Số cuộc tuyên truyền			
	+ Số người được tuyên truyền			
	- Số cuộc tập huấn			
	+ Số cán bộ Hội được tập huấn			
	- Số các sản phẩm tuyên truyền đối ngoại:			
	+ Số tin bài			
	+ Số ấn phẩm			
	Nêu tên ấn phẩm:			

¹⁶ Tiếp thu ý kiến của ban QT

¹⁷ Đoàn vào do cấp Hội làm thủ tục đón

¹⁸ Là đoàn khách quốc tế không do các cấp Hội làm thủ tục đón.

5	Công tác phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài và bảo vệ phụ nữ trong quan hệ có yếu tố nước ngoài	Kết quả
	- Số Việt kiều Hội LHPN cấp tỉnh có quan hệ, trao đổi thông tin với Hội phụ nữ địa phương Cụ thể, tên nước có Việt kiều.....	
	- Số Việt kiều có hỗ trợ thông qua Hội Phụ nữ địa phương Tên nước có Việt kiều	
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ (VNĐ)	
	- Số phụ nữ được Hội phụ nữ địa phương hỗ trợ trong quan hệ có yếu tố nước ngoài (hôn nhân, lao động)	

VI. KẾT QUẢ KHEN THƯỞNG của tập thể của Hội và cá nhân cán bộ, hội viên, phụ nữ
(Chỉ báo cáo năm, không BC 6 tháng)

Stt	Thành tích	Số lượng được khen thưởng ¹⁹			
		Tập thể Hội	Cán bộ Hội	Hội viên	Phụ nữ
1	Cờ thi đua của UBND tỉnh, thành phố				
2	Bảng khen của UBND tỉnh, thành phố				
3	Bảng khen/giấy khen của các sở, ngành				
4	Giấy khen của UBND cấp huyện				
5	Bảng khen của Hội LHPN cấp tỉnh				
6	Giấy khen của Hội LHPN cấp huyện				
7	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở				
8	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh				
9	Các danh hiệu, giải thưởng khác (nêu cụ thể)				

VII. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG HỘI

Tên mô hình	Có đến thời điểm báo cáo		Thành lập mới trong kỳ báo cáo	
	Số lượng mô hình	Số thành viên	Số lượng	Số thành viên
1. Mô hình vận động phụ nữ rèn luyện phẩm chất đạo đức Tự tin – Tự trọng – Trung hậu – Đảm đang gắn với học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM.				
2. Mô hình thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch gắn với nông thôn mới.				
3. Mô hình văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.				

¹⁹ Tính số do các cấp Hội đề xuất hoặc hiệp y khen thưởng.

Tên mô hình	Có đến thời điểm báo cáo		Thành lập mới trong kỳ báo cáo	
	Số lượng mô hình	Số thành viên	Số lượng	Số thành viên
4. Mô hình về xây dựng gia đình				
- Góc tư vấn về giáo dục đời sống gia đình, giáo dục trước hôn nhân, tư vấn tiền hôn nhân				
- Mô hình tư vấn, hỗ trợ nạn nhân BLGD, BL trên cơ sở giới				
- Mô hình nhóm cha, mẹ				
- Địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh				
- CLB gia đình hạnh phúc				
- Mô hình dịch vụ gia đình				
5. Mô hình “Tiếp bước cho em đến trường”				
.....				
6. Mô hình vận động phụ nữ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu				
- Mô hình bảo vệ môi trường				
- Mô hình sinh kế thích ứng với BĐKH				
.....				
7. Mô hình sản xuất sạch, chế biến sạch, tiêu dùng sạch				
.....				
8. Mô hình vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ				
.....				
9. Mô hình tập hợp hội viên				
.....				
10. Mô hình khác				
.....				
Tổng cộng				

VIII. Danh sách hợp tác xã được thành lập trong kỳ báo cáo

Stt	Tên hợp tác xã, địa điểm, thời gian thành lập	Tóm tắt nội dung thực hiện	Số thành viên	Số thành viên là nữ	Chủ nhiệm (tên, điện thoại liên hệ)
1					

IX. Danh sách phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp

1. Danh sách khởi sự kinh doanh

Stt	Cá nhân/tập thể khởi sự kinh doanh (ghi rõ tên)	Loại hình (ghi rõ tên KT hộ, THT, HTX, DN)	Ngành nghề	Thời gian thành lập	Thông tin liên hệ (địa chỉ, đthoại, email...)
1					

2. Danh sách khởi nghiệp

Stt	Cá nhân/tập thể khởi nghiệp (ghi rõ tên)	Loại hình (ghi rõ tên KT hộ, THT, HTX, DN)	Ngành nghề	Thời gian thành lập	Thông tin liên hệ (địa chỉ, đthoại, email...)	Tên sản phẩm, dịch vụ mới
1						
